

THÔNG BÁO

Mời tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

**Khu dân cư, tái định cư ngã tư nút giao đầu tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi
Khu đô thị Lam Sơn-Sao Vàng, xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân**
(MBQH số 1341/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND huyện Thọ Xuân)

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:** Công ty Đấu giá Hợp danh HLC
Địa chỉ: Số 110 Lạc Long Quân, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Người có tài sản bán đấu giá:** UBND huyện Thọ Xuân
Địa chỉ: thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.
- Tên tài sản, nơi có tài sản bán đấu giá:** Quyền sử dụng đất (QSDĐ) **57 lô đất** ở Khu dân cư, tái định cư ngã tư nút giao đầu tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi Khu đô thị Lam Sơn-Sao Vàng, xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân.
(*Có danh mục chi tiết kèm theo*)
- Các thông tin quy hoạch, kế hoạch, hiện trạng sử dụng đất:**
 - Về quy hoạch: Các lô đất đưa ra đấu giá được UBND huyện Thọ Xuân phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 21/3/2025;
 - Về kế hoạch: Đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025, huyện Thọ Xuân.
 - Hiện trạng các lô đất đấu giá: Các lô đất đã được thu hồi và hoàn thành bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đã được kết nối hạ tầng giao thông.
- Diện tích đấu giá:** Tổng diện tích đấu giá (57 lô): 6.124,0 m²
(*Có danh mục chi tiết kèm theo*)
- Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:**
 - Mục đích sử dụng đất: Đất ở.
 - Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
 - Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:**
 - Đối tượng tham gia đấu giá: Người được đăng ký tham gia đấu giá là cá nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 và có đủ điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều 125 Luật Đất đai năm 2024;
 - Điều kiện tham gia đấu giá: theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 và Điều 38 Luật Đấu giá tài sản 2016.
 - + Có hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ theo quy định;

+ Nộp đủ tiền đặt trước và tiền mua hồ sơ tương ứng với số lượng, vị trí, lô đất đăng ký tham gia đấu giá.

- Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho Công ty Đấu giá Hợp danh HLC (hoặc có thể ủy quyền theo quy định của pháp luật).

8. Hình thức, cách thức, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Bỏ phiếu kín trực tiếp 01 vòng tại cuộc đấu giá.

- Cách thức đấu giá:

+ Khách hàng tham gia đấu giá, trả giá thông qua phiếu trả giá do Công ty Đấu giá Hợp danh HLC phát hành.

+ Khách hàng chỉ được đấu giá những lô đất mà mình đã đăng ký.

+ Khách hàng trả giá trên tổng tiền của lô đất.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

9. Giá khởi điểm:

- Giá khởi điểm: từ 800.000.000 đồng đến 1.668.000.000 đồng/lô.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

10. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

- Tiền mua hồ sơ: 100.000 đồng và 200.000 đồng/01 hồ sơ

(Hồ sơ đã mua không được đổi, hoàn trả)

- Tiền đặt trước: bằng 20% giá khởi điểm của thửa đất đấu giá.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

11. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá (trong giờ hành chính):

- Thời gian: từ ngày 22/4/2025 đến ngày 24/4/2025.

- Địa điểm: Tại thực địa khu đất đấu giá *(Người tham gia đấu giá liên hệ với Công ty đấu giá hợp danh HLC để được hướng dẫn)*.

12. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá (trong giờ hành chính):

- Tại Công ty Đấu giá Hợp danh HLC: Từ 07h00 phút ngày 18/4/2025 đến 16h30 phút ngày 28/4/2025.

- Tại UBND xã Xuân Trường: từ 08h00 phút đến 11h00 phút các ngày 25/4, 26/4, 28/4/2025.

13. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá

- Tại Công ty Đấu giá Hợp danh HLC: Từ 07h00 phút ngày 18/4/2025 đến 16h30 phút ngày 28/4/2025.

- Tại UBND xã Xuân Trường: từ 08h00 phút đến 11h00 phút các ngày 25/4, 26/4, 28/4/2025.

Hồ sơ tham gia đấu giá gồm có:

+ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá;

+ Bản sao Căn cước/Căn cước công dân *(còn thời hạn)*;

+ Hợp đồng ủy quyền có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*.

14. Nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá:

- Thời gian: Từ 07h00 phút ngày 18/4/2025 đến 17h00 phút ngày 28/4/2025.
- Người tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

- + Tên tài khoản: **CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH HLC**
- + Số tài khoản: **000004380683** - Ngân hàng **TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)**
- Chi nhánh Thanh Hóa
- + Nội dung nộp tiền: *[Họ tên - CCCD], nộp tiền đặt trước đấu giá QSD đất xã Xuân Trường*



Lưu ý:

- *[Họ tên]:* là người đứng tên trong phiếu đăng ký tham gia đấu giá.
- Khách hàng có thể nộp trực tiếp tại ngân hàng hoặc bằng Internet Banking.
- Khoản tiền đặt trước hợp lệ căn cứ thông tin số dư hiển thị trên hệ thống ngân hàng của Công ty đấu giá hợp danh HLC theo đúng thời gian quy định nêu trên.

15. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

- Thời gian: Từ 08 giờ 00 phút, ngày 06/5/2025;
- Địa điểm: Tại Hội trường UBND xã Xuân Trường;

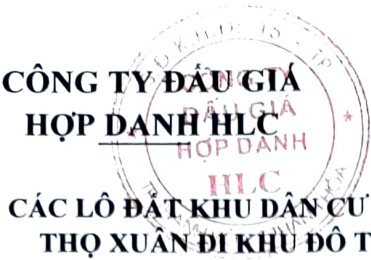
16. Thông tin liên hệ:

- Khách hàng có nhu cầu tham gia đấu giá QSDĐ liên hệ với Công ty Đấu giá Hợp danh HLC (trong giờ hành chính; điện thoại: 0912.444.339/ 0943.496.468; Email: daugiathanhhoa@gmail.com; Website: daugiahlc.com).

Nơi nhận:

- UBND huyện Thọ Xuân (b/c);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đgts;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa;
- UBND xã Xuân Trường (NY và Tb);
- Khách hàng tham gia đấu giá (t/h);
- Lưu VP Cty.





DANH MỤC
CÁC LÔ ĐẤT KHU DÂN CƯ TÁI ĐỊNH CƯ NGÃ TƯ NÚT GIAO ĐẦU TUYẾN ĐƯỜNG TỪ THỊ TRẤN
THỌ XUÂN ĐI KHU ĐÔ THỊ LAM SƠN - SAO VÀNG, XÃ XUÂN TRƯỜNG, HUYỆN THỌ XUÂN
(MBQH số 1341/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 của UBND huyện Thọ Xuân)
(Kèm theo thông báo và quy chế bán đấu giá)

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô)	Hồ sơ đấu giá (đồng/HS)	Tiền đặt trước (đồng/HS)	Ghi chú
1	LK-01:01	114,0	10.800.000	1.231.200.000	200.000	246.240.000	Lô giáp 2 mặt đường
2	LK-01:02	113,0	9.000.000	1.017.000.000	200.000	203.400.000	Lô thường
3	LK-01:03	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
4	LK-01:04	106,0	9.000.000	954.000.000	100.000	190.800.000	Lô thường
5	LK-01:05	100,0	8.000.000	800.000.000	100.000	160.000.000	Lô thường
6	LK-01:09	100,0	8.000.000	800.000.000	100.000	160.000.000	Lô thường
7	LK-01:10	100,0	8.000.000	800.000.000	100.000	160.000.000	Lô thường
8	LK-01:11	100,0	8.000.000	800.000.000	100.000	160.000.000	Lô thường
9	LK-01:12	100,0	8.000.000	800.000.000	100.000	160.000.000	Lô thường
10	LK-01:21	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
11	LK-01:22	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
12	LK-01:23	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
13	LK-01:24	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
14	LK-01:25	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
15	LK-01:26	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
16	LK-01:27	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
17	LK-01:28	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
18	LK-01:29	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
19	LK-01:30	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
20	LK-01:31	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
21	LK-01:32	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
22	LK-01:33	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
23	LK-01:34	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
24	LK-01:35	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
25	LK-05:07	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
26	LK-05:17	130,0	9.000.000	1.170.000.000	200.000	234.000.000	Lô thường

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô)	Hồ sơ đấu giá (đồng/HS)	Tiền đặt trước (đồng/HS)	Ghi chú
27	LK-05:18	124,0	9.000.000	1.116.000.000	200.000	223.200.000	Lô thường
28	LK-05:19	134,0	10.800.000	1.447.200.000	200.000	289.440.000	Lô giáp 2 mặt đường
29	LK-05:20	106,0	9.000.000	954.000.000	100.000	190.800.000	Lô thường
30	LK-05:23	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
31	LK-05:24	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
32	LK-05:25	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
33	LK-05:26	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
34	LK-05:27	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
35	LK-05:28	107,0	9.000.000	963.000.000	100.000	192.600.000	Lô thường
36	LK-05:29	101,0	9.000.000	909.000.000	100.000	181.800.000	Lô thường
37	LK-05:30	98,0	9.000.000	882.000.000	100.000	176.400.000	Lô thường
38	LK-05:31	125,0	10.800.000	1.350.000.000	200.000	270.000.000	Lô giáp 2 mặt đường
39	LK-06:08	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
40	LK-06:09	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
41	LK-06:10	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
42	LK-06:11	100,0	12.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000	Lô thường
43	LK-06:12	139,0	12.000.000	1.668.000.000	200.000	333.600.000	Lô thường
44	LK-06:13	132,0	9.000.000	1.188.000.000	200.000	237.600.000	Lô thường
45	LK-06:14	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
46	LK-06:15	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
47	LK-06:16	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
48	LK-06:17	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
49	LK-06:18	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
50	LK-06:19	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
51	LK-06:20	110,0	9.000.000	990.000.000	100.000	198.000.000	Lô thường
52	LK-06:21	111,0	9.000.000	999.000.000	100.000	199.800.000	Lô thường
53	LK-06:22	101,0	9.000.000	909.000.000	100.000	181.800.000	Lô thường
54	LK-06:23	97,0	9.000.000	873.000.000	100.000	174.600.000	Lô thường
55	LK-06:24	119,0	10.800.000	1.285.200.000	200.000	257.040.000	Lô giáp 2 mặt đường
56	LK-07:03	124,0	9.000.000	1.116.000.000	200.000	223.200.000	Lô thường
57	LK-07:04	113,0	9.000.000	1.017.000.000	200.000	203.400.000	Lô thường
Tổng cộng		6.124,00		61.918.600.000		12.383.720.000	